

BỘ CÔNG AN**BỘ CÔNG AN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 98/2024/TT-BCA

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2024

THÔNG TƯ**Quy định quy trình khám nghiệm hiện trường trong tố tụng hình sự
của lực lượng Công an nhân dân**

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự ngày 27 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Khoa học hình sự;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định quy trình khám nghiệm hiện trường trong tố tụng hình sự của lực lượng Công an nhân dân.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định những việc cần làm trước khi khám nghiệm hiện trường; nội dung, trình tự khám nghiệm hiện trường; thu mẫu so sánh; dựng lại hiện trường; biên bản, tài liệu khám nghiệm hiện trường trong tố tụng hình sự của lực lượng Công an nhân dân.

Điều 2. Nguyên tắc khám nghiệm hiện trường

1. Khám nghiệm hiện trường phải tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, quy định của Thông tư này và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến công tác khám nghiệm hiện trường.

2. Nhanh chóng, kịp thời, thận trọng, tỷ mỉ, khách quan, toàn diện, khoa học và chính xác.

3. Người chủ trì khám nghiệm hiện trường phải phối hợp chặt chẽ với lực lượng khám nghiệm hiện trường và các thành phần tham gia khám nghiệm hiện

trường khác, đảm bảo sự chỉ đạo tập trung, thống nhất và phải chịu trách nhiệm chung về kết quả khám nghiệm hiện trường.

4. Quá trình khám nghiệm hiện trường phải đảm bảo an toàn cho lực lượng khám nghiệm hiện trường và các thành phần tham gia khám nghiệm.

5. Việc cung cấp thông tin, chuyển giao tài liệu, kết quả công tác khám nghiệm hiện trường phải tuân thủ các quy định của pháp luật và ngành Công an.

Chương II

NHỮNG VIỆC CẦN LÀM TRƯỚC KHI KHÁM NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG

Điều 3. Chuẩn bị lực lượng, phương tiện khám nghiệm hiện trường

1. Đối với Cơ quan chủ trì khám nghiệm:

a) Phân công người chủ trì khám nghiệm;

b) Thông báo cho Viện Kiểm sát cùng cấp để cử kiểm sát viên tham gia kiểm sát hoạt động khám nghiệm hiện trường;

c) Thông báo và yêu cầu lực lượng Kỹ thuật hình sự tham gia khám nghiệm hiện trường;

d) Thông báo và yêu cầu các đơn vị nghiệp vụ tham gia phối hợp trong quá trình khám nghiệm hiện trường (nếu cần thiết);

đ) Trường hợp cần thiết có thể cho bị can, người bào chữa, bị hại, người làm chứng tham gia và mời người có chuyên môn tham dự việc khám nghiệm;

e) Chuẩn bị các phương tiện đi lại, phương tiện thông tin liên lạc, phương tiện, thiết bị chuyên dùng (nếu có); các loại biểu mẫu, giấy tờ có liên quan.

2. Đối với lực lượng Kỹ thuật hình sự:

Khi nhận được yêu cầu tham gia khám nghiệm hiện trường, lực lượng Kỹ thuật hình sự cần:

a) Phân công cán bộ khám nghiệm hiện trường chuyên trách tham gia khám nghiệm. Phân công giám định viên có chuyên môn phù hợp để tham gia phối hợp khám nghiệm (nếu cần thiết);

b) Chuẩn bị các phương tiện kỹ thuật chuyên dùng như: Vali khám nghiệm hiện trường; máy ảnh, máy ghi hình; nguồn sáng các loại, phương tiện, thiết bị, hóa chất phát hiện và thu thập dấu vết, vật chứng, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử;

thước dây, thước tỷ lệ, túi thu mẫu, các phương tiện, thiết bị kỹ thuật chuyên dùng khác (nếu có), các biểu mẫu, biên bản có liên quan.

3. Đối với các lực lượng phối hợp khác:

Khi nhận được thông báo và yêu cầu tham gia khám nghiệm hiện trường, Cảnh sát giao thông, Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Công an cấp xã, lực lượng huấn luyện và sử dụng động vật nghiệp vụ và các lực lượng khác có liên quan trong phạm vi, trách nhiệm của mình phải cử cán bộ đến hiện trường để phối hợp với cơ quan chủ trì tiến hành các hoạt động khám nghiệm hiện trường.

Điều 4. Giải quyết ban đầu khi đến hiện trường

Khi đến hiện trường, trước khi khám nghiệm, người chủ trì khám nghiệm hiện trường cần thực hiện một số nội dung sau:

1. Yêu cầu người chỉ huy công tác bảo vệ hiện trường báo cáo tình hình và kết quả bảo vệ hiện trường. Trao đổi với cơ quan chủ quản, với nạn nhân, thân nhân nạn nhân (nếu có), với chính quyền địa phương, với những người phát hiện vụ việc đầu tiên để nắm diễn biến tình hình vụ việc, về tình hình an ninh trật tự ở khu vực hiện trường.

2. Trực tiếp quan sát, xác định phạm vi hiện trường; sơ bộ xác định cấu trúc, kết cấu hiện trường; xác định các vị trí có camera tại hiện trường. Kiểm tra công tác bảo vệ hiện trường để quyết định bổ sung thêm lực lượng bảo vệ hiện trường hoặc điều chỉnh phạm vi hiện trường cần bảo vệ (nếu cần thiết).

3. Lựa chọn và mời người chứng kiến khám nghiệm. Người chứng kiến có thể là người đại diện chính quyền địa phương, đại diện cơ quan, tổ chức, công dân từ đủ 18 tuổi trở lên. Đề nghị chính quyền địa phương, cơ quan đơn vị nơi xảy ra vụ việc phối hợp và hỗ trợ trong quá trình khám nghiệm (nếu thấy cần thiết).

4. Xem xét, quyết định biện pháp xử lý đối với các dấu vết, vật chứng, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử có nguy cơ bị thay đổi, phá hủy; xem xét thiết lập lối đi riêng phục vụ việc đi lại, quan sát ở hiện trường.

5. Tiến hành hội ý lực lượng khám nghiệm hiện trường để lựa chọn phương pháp, chiến thuật khám nghiệm phù hợp, phân công nhiệm vụ cụ thể cho lực lượng khám nghiệm: Người chụp ảnh; người ghi hình; (nếu cần thiết); người vẽ sơ đồ; người phát hiện, thu thập dấu vết, vật chứng, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử; người ghi chép, thống kê phục vụ lập biên bản khám nghiệm hiện trường.

Chương III

NỘI DUNG, TRÌNH TỰ KHÁM NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG

Điều 5. Quan sát hiện trường

1. Lựa chọn vị trí phù hợp để quan sát bao quát được toàn bộ khu vực hiện trường; tiến hành quan sát từ xa đến gần, từ tổng thể đến bộ phận, từ chung đến riêng, có trọng tâm, trọng điểm. Quá trình quan sát có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật hỗ trợ.

Nội dung quan sát bao gồm: Vị trí, địa hình, địa vật, tình trạng, kết cấu, chủng loại vật liệu của từng phần hiện trường; những thiệt hại và hậu quả của vụ việc; phát hiện dấu vết, vật chứng, tài liệu, đồ vật, tử thi (nếu có) nhìn rõ được có liên quan đến vụ việc.

2. Xác định điểm mốc (vật chuẩn) để định vị hiện trường chung, định vị vị trí nạn nhân (nếu có), phương tiện, dấu vết, vật chứng, tài liệu, đồ vật ở hiện trường. Trường hợp tại hiện trường không có điểm mốc cố định phải xác định bằng tọa độ địa lý.

3. Đặt số thứ tự cho dấu vết, vật chứng, tài liệu, đồ vật, tử thi (nếu có) đã thấy rõ ở hiện trường. Số thứ tự được đặt theo số tự nhiên từ số nhỏ đến số lớn theo thứ tự phát hiện.

4. Tiến hành các hoạt động ghi nhận chung về hiện trường, dấu vết, vật chứng, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử, tử thi (nếu có) tại hiện trường bằng các phương pháp: Chụp ảnh; ghi hình hiện trường (nếu cần thiết); vẽ sơ đồ hiện trường; mô tả vào biên bản khám nghiệm hiện trường.

5. Quyết định phương pháp, chiến thuật, phương tiện, thiết bị, hóa chất sử dụng trong giai đoạn khám nghiệm chi tiết hiện trường.

Điều 6. Khám nghiệm chi tiết hiện trường

Người chủ trì khám nghiệm hiện trường phân công lực lượng khám nghiệm hiện trường sử dụng các phương tiện kỹ thuật chuyên dùng, áp dụng phương pháp, chiến thuật khám nghiệm phù hợp để thực hiện các nội dung:

1. Phát hiện, làm rõ dấu vết, vật chứng, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử, tử thi (nếu có);

2. Ghi nhận, mô tả dấu vết, vật chứng, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử, tử thi (nếu có);

3. Thu lượm, bảo quản dấu vết, vật chứng, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử, tử thi (nếu có);
4. Thu mẫu so sánh (nếu có);
5. Mô tả hiện trường vào biên bản khám nghiệm hiện trường;
6. Vẽ sơ đồ hiện trường;
7. Chụp ảnh; ghi hình hiện trường (nếu cần thiết).

Điều 7. Kết thúc khám nghiệm hiện trường

1. Tiến hành đánh giá dấu vết, vật chứng, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử, tử thi (nếu có) đã phát hiện, thu thập được để khai thác các thông tin phục vụ công tác điều tra:

a) Đánh giá từng dấu vết, vật chứng, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử, tử thi (nếu có) và mối liên hệ giữa các dấu vết, vật chứng, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử và với tử thi (nếu có), với các đồ vật khác tại hiện trường. Đưa ra nhận định về nguyên nhân, cơ chế hình thành, thời gian xuất hiện và tồn tại của dấu vết, vật chứng, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử; đặc điểm của vật gây vết;

b) Đánh giá giá trị chứng minh của từng dấu vết, vật chứng, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử; xác định những dấu vết, vật chứng, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử cần trưng cầu giám định;

c) Đánh giá số lượng, đặc điểm về đối tượng nghi vấn thực hiện hành vi phạm tội; nạn nhân hoặc những người liên quan khác (nếu có) đã có mặt tại hiện trường;

d) Đánh giá hậu quả tác hại do vụ việc gây ra.

2. Đánh giá kết quả khám nghiệm hiện trường:

a) Xác định những kết quả đã đạt được;

b) Xác định những vấn đề còn thiếu, sót cần bổ sung, những nội dung cần xem xét lại tại hiện trường.

3. Đóng gói, niêm phong dấu vết, vật chứng, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử đã phát hiện, thu thập được và mẫu so sánh (nếu có) theo đúng quy định.

4. Hoàn thành biên bản khám nghiệm hiện trường; thống kê số lượng, các loại sơ đồ hiện trường đã vẽ; số lượng, các loại ảnh hiện trường đã chụp vào biên bản khám nghiệm hiện trường.

5. Người chủ trì khám nghiệm tuyên bố kết thúc khám nghiệm, giải phóng hiện trường hoặc tuyên bố kết thúc buổi khám nghiệm và tiếp tục công tác bảo vệ hiện trường để khám nghiệm lại hoặc khám nghiệm lần sau (nếu cần thiết).

Chương IV
THU MẪU SO SÁNH; DỪNG LẠI HIỆN TRƯỜNG; BIÊN BẢN,
TÀI LIỆU KHÁM NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG

Điều 8. Thu mẫu so sánh

1. Người chủ trì khám nghiệm phân công lực lượng khám nghiệm hiện trường thực hiện thu mẫu so sánh ngay tại hiện trường (nếu có).

Căn cứ các dấu vết, vật chứng, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử đã phát hiện, thu thập tại hiện trường để lựa chọn chủng loại, số lượng mẫu so sánh bảo đảm yêu cầu giám định. Tùy từng loại mẫu so sánh mà chọn phương pháp thu, bảo quản phù hợp.

2. Mẫu so sánh phải được đóng gói, niêm phong, bảo quản theo đúng quy định pháp luật. Việc thu mẫu so sánh tại hiện trường phải được ghi nhận vào biên bản khám nghiệm hiện trường.

Điều 9. Dừng lại hiện trường

Trường hợp hiện trường bị xáo trộn, sau khi khám nghiệm chi tiết, nếu thấy cần thiết có thể dừng lại hiện trường theo sự trình bày của người làm chứng, người bị hại, người phạm tội hoặc người khác có liên quan đến vụ việc, vụ án nhằm kết hợp kết quả phát hiện, thu lượm, đánh giá các dấu vết, vật chứng, tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử, tử thi (nếu có) đã phát hiện với tình trạng hiện trường được dựng lại để nhận định về diễn biến của vụ việc, hành động của đối tượng ở hiện trường.

Việc dựng lại hiện trường phải được ghi nhận, mô tả đầy đủ trong biên bản khám nghiệm hiện trường.

Điều 10. Biên bản, tài liệu khám nghiệm hiện trường

1. Biên bản khám nghiệm hiện trường

a) Biên bản khám nghiệm hiện trường phải được lập theo mẫu và theo quy định pháp luật; có thể viết tay hoặc đánh máy để hoàn thiện biên bản; không ghi tắt; sử dụng Tiếng Việt, từ ngữ phổ thông, lời văn rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu; phải mô tả đầy đủ, chính xác theo trình tự đúng thực tế diễn biến khám nghiệm hiện trường.

b) Hoàn thành biên bản khám nghiệm hiện trường ngay sau khi kết thúc khám nghiệm hiện trường; phải đọc cho những thành phần tham gia nghe, xác nhận đúng, ký và ghi rõ họ tên.

c) Nếu biên bản khám nghiệm hiện trường nhiều trang phải ký phía dưới mỗi trang văn bản hoặc đóng dấu giáp lai; nếu thêm bớt, gạch xóa, sửa chữa trong biên

bản khám nghiệm hiện trường phải ghi chú rõ ràng, có sự xác nhận của mọi thành viên khám nghiệm.

2. Sơ đồ hiện trường

a) Sơ đồ hiện trường gồm các loại: Sơ đồ chung, sơ đồ trung tâm, sơ đồ từng phần, sơ đồ chi tiết hoặc có thể vẽ sơ đồ chung kết hợp sơ đồ trung tâm, sơ đồ từng phần, sơ đồ chi tiết. Tùy theo tính chất vụ việc, đặc điểm hiện trường, khả năng, điều kiện thực tế, người chủ trì khám nghiệm quyết định lựa chọn vẽ loại sơ đồ hiện trường. Sơ đồ hiện trường có thể vẽ bằng một trong các phương pháp vẽ mặt bằng, vẽ khai triển hoặc vẽ phối cảnh và có thể vẽ thủ công hoặc sử dụng các phần mềm đồ họa phù hợp để vẽ sơ đồ hiện trường.

b) Xác định phương hướng của hiện trường trên bản vẽ sơ đồ theo quy ước quốc tế, có mũi tên chỉ hướng Bắc (N: Bắc, NE: Đông Bắc, E: Đông, NW: Tây Bắc, S: Nam, SE: Đông Nam, W: Tây, SW: Tây Nam).

c) Sử dụng thống nhất đơn vị đo trong toàn bản vẽ là mét (m), centimet (cm); nếu vẽ theo tỷ lệ phải chú thích cụ thể. Trường hợp vẽ không theo tỷ lệ phải đảm bảo mối tương quan giữa các dấu vết, vật chứng, tài liệu, đồ vật ở hiện trường.

3. Bản ảnh hiện trường

a) Khi khám nghiệm hiện trường phải chụp ảnh hiện trường chung, hiện trường trung tâm, hiện trường từng phần, hiện trường chi tiết. Đối với ảnh chụp chi tiết dấu vết, vật chứng, đồ vật, khi chụp phải tuân thủ đúng nguyên tắc chụp ảnh dấu vết, vật chứng.

b) Bản ảnh hiện trường được trình bày theo mẫu quy định và được sắp xếp hợp lý theo trình tự khám nghiệm hiện trường. Bản ảnh hiện trường đóng thành quyển; dưới mỗi bức ảnh có chú thích rõ ràng, đầy đủ nội dung bức ảnh; không được chỉnh sửa ảnh hiện trường.

4. Bản ghi hình hiện trường (nếu có): Tùy tính chất vụ việc, tình hình thực tế tại hiện trường để xác định có cần thiết ghi hình hiện trường, ghi toàn bộ quá trình khám nghiệm hay từng giai đoạn khám nghiệm hiện trường; việc ghi hình hiện trường được ghi nhận trong biên bản khám nghiệm hiện trường và không được chỉnh sửa, cắt ghép bản ghi hình hiện trường. Bản ghi hình hiện trường được lưu trữ trong phương tiện lưu trữ phù hợp, niêm phong theo đúng quy định pháp luật.

5. Báo cáo khám nghiệm hiện trường

a) Báo cáo khám nghiệm hiện trường là tài liệu nghiệp vụ được sử dụng trong nội bộ lực lượng Công an nhân dân. Sau khi kết thúc khám nghiệm hiện trường,

người chủ trì khám nghiệm phân công lực lượng khám nghiệm hiện trường hoàn thiện báo cáo khám nghiệm hiện trường để báo cáo Thủ trưởng cơ quan chủ trì khám nghiệm.

b) Nội dung báo cáo khám nghiệm hiện trường gồm: Tên cơ quan làm báo cáo; nơi nhận hoặc người nhận báo cáo; tên loại vụ việc báo cáo và thời gian, địa điểm xảy ra hoặc phát hiện; thời gian tiến hành khám nghiệm; thành phần khám nghiệm; tóm tắt tình hình vụ việc; công tác bảo vệ hiện trường; quá trình và kết quả khám nghiệm hiện trường; phân tích, đánh giá những dấu vết, vật chứng đã phát hiện, thu thập trong quá trình khám nghiệm; nhận định về tính chất vụ việc đã khám nghiệm hiện trường, về đối tượng phạm tội (nếu có); các đề xuất và biện pháp kỹ thuật cần thực hiện tiếp theo; đề xuất phối hợp giữa các lực lượng. Kết thúc báo cáo phải có họ tên, chữ ký của người làm báo cáo; xác nhận, đóng dấu của cơ quan làm báo cáo.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2025.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan đến hoạt động khám nghiệm hiện trường trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra, Cục trưởng Cục An ninh điều tra, Viện trưởng Viện Khoa học hình sự có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc triển khai thực hiện nghiêm túc Thông tư này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư nếu có vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra, Cục An ninh điều tra hoặc Viện Khoa học hình sự) để kịp thời hướng dẫn./.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Lương Tam Quang